

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Ngọc Thành.
- Bà Bùi Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2023/TLST-HNGĐ ngày 21/2/2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1993

HKTT: Thôn V, xã V1, huyện T3, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Thôn V2, xã T2, T3, Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn V, xã V1, huyện T3, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn V, xã V1, huyện T3, Hải Dương.

- Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1972, địa chỉ: Thôn V2, xã T2, huyện T3, tỉnh Hải Dương.

(Tại phiên tòa, chị T, anh C và những người làm chứng đều vắng mặt và trước đó đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn thể hiện: Chị T và anh C kết hôn ngày 08/7/2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V1, huyện T3, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng về tính cách, lối sống nên thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định không còn tình cảm với chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh C

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Lê Huyền Trang, sinh ngày 14/10/2011 và Nguyễn Đức Triệu, sinh ngày 18/6/2013. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh C nuôi dưỡng, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mức 1.500.000đ/1con/1tháng (tổng 2 con là 3.000.000đ/ tháng).

Về tài sản, công sức, nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn là anh Nguyễn Đức C trình bày về việc đăng ký kết hôn như nguyên đơn đã trình bày. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh đã nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng, đến nay không còn tình cảm với nhau nên anh nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung, tên tuổi như chị T đã trình bày. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay con vẫn ở với gia đình anh. Khi ly hôn, anh xin nuôi cả 02 con chung và đề nghị chị T cấp dưỡng mức 3.000.000đ/tháng/2con.

Về tài sản, công sức nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của cháu Trang và cháu Triệu đều xin ở với bố nếu bố mẹ cháu ly hôn nhau.

* Lời khai của người làm chứng là bà Hoàng Thị B (mẹ đẻ chị T), bà Hoàng Thị H (mẹ đẻ anh C), cũng như kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị T, anh C đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng về tính cách, lối sống. Vợ chồng chị T đã sống ly thân từ lâu. Ngoài ra, bà H là mẹ đẻ anh C còn đề nghị Tòa án giao con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, bà luôn hỗ trợ anh C trông nom, chăm sóc các cháu.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt và không có mặt tại phiên họp hòa giải; nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và đương sự trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự: Về quan hệ hôn nhân, xử chị T

và anh C ly hôn. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Lê Huyền Trang, sinh ngày 14/10/2011 và Nguyễn Đức Triệu, sinh ngày 18/6/2013 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T phải cấp dưỡng cho các con mức 1.500.000đ/1con/1tháng (tổng 3.000.000đ/1tháng/2con). Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T, anh C có đăng ký kết hôn tại UBND xã V1, huyện T3, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng có nhiều bất đồng về tính cách, lối sống. Thực tế, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn, anh C xác định không còn tình cảm với chị T nên đã đồng ý ly hôn. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị T ly hôn anh C là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng chị T, anh C có 02 con chung là Nguyễn Lê Huyền Trang, sinh ngày 14/10/2011 và Nguyễn Đức Triệu, sinh ngày 18/6/2013. Hiện nay hai con đều đang ở với anh C. Anh C xin nuôi cả 2 con chung và yêu cầu chị T cấp dưỡng cho mỗi con là 1.500.000đ/tháng; chị T nhất trí toàn bộ ý kiến của anh C, do đó yêu cầu nêu trên của anh C được Tòa án chấp nhận.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Lê Thị T ly hôn anh Nguyễn Đức C.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Lê Huyền Trang, sinh ngày 14/10/2011 và Nguyễn Đức Triệu, sinh ngày 18/6/2013 cho anh C nuôi dưỡng; chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ/1tháng/1con (tổng mức cấp dưỡng mỗi tháng cho 2 con là 3.000.000đ), kể từ tháng 6/2023 cho đến khi con chung thành niên.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành không thi hành số tiền trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003417 ngày 21/2/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; chị T còn phải nộp 300.000đ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã V1, T3;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhung